| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRỰC NINH**<br>**TỈNH NAM ĐỊNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **65**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 5 - 2019
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

***- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Chu Thái Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân**:***

Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Nguyễn Văn Doanh

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Bích Thủy- Thư ký viên TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2019/TLST-HNGĐ ngày 15/2/2019 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/5/2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Xuân T, Sinh năm: 1993.

Nơi ĐKHKTT: Đội 16, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định.

Địa chỉ: Tổ dân phố B, Thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn K, Sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Đội 16, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt chị T, vắng mặt anh K.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 30/01/2019, bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Xuân T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn K đăng ký kết hôn ngày 14/01/2011 tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau. Tháng 3 năm 2017 anh K vi phạm pháp luật và phải chấp hành hình phạt. Sau khi chấp hành hình phạt, anh K không tu chí làm ăn, chị

và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh K không thay đổi. Từ tháng 6 năm 2018 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa nên đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng H - Sinh ngày 15/5/2012 và Nguyễn Gia B - Sinh ngày 09/01/2016 hiện con Nguyễn Thị Hồng H đang ở với chị, con Nguyễn Gia B đang ở với anh K. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cả hai con chung hoặc con Nguyễn Thị Hồng H và không yêu cầu anh K cấp dưỡng. Nếu anh K không đồng ý thì chị đồng ý để anh K nuôi con Nguyễn Gia B.

Về tài sản, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2019, bà Hoàng Thị P ( là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn K ) cung cấp:

Anh Nguyễn Văn K có biết việc chị T có đơn xin ly hôn, gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải… và đã thông báo cho anh K những nội dung này nhưng do bận công việc nên anh K không đến Tòa án.

Bà P cũng xác nhận vợ chồng chị T, anh K có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 6/2018 tới nay, trước đây do bất đồng quan điểm, anh K cũng đã có ý định xin ly hôn chị T;

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng H - Sinh ngày 15/5/2012 và Nguyễn Gia B - Sinh ngày 09/01/2016 hiện con Nguyễn Thị Hồng H đang ở với chị T, con Nguyễn Gia B đang ở với anh K.

Khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã trao đổi với anh K về việc chị T có đơn xin ly hôn anh K có quan điểm nhất trí ly hôn, đồng ý để chị T nuôi con Nguyễn Thị Hồng H, anh K nuôi con Nguyễn Gia B và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, khoản nợ chung, tiền cấp dưỡng.

Tại phiên tòa: Chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như trên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS; Bị đơn mặc dù đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt để hòa giải và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, vắng mặt tại phiên tòa vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án hoãn phiên tòa do có sự vắng mặt của bị đơn lần thứ nhất và mở lại phiên tòa lần thứ hai là đúng quy định tại Điều 227; 233 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng chị T, anh K đã sống ly thân từ lâu, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Xuân T.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị T, chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung;

Về tài sản, công nợ: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục trong việc tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn K nhưng anh K vẫn vắng mặt không có lý do là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án hoãn phiên tòa do có sự vắng mặt của bị đơn lần thứ nhất và mở lại phiên tòa lần thứ hai là đúng quy định tại Điều 227; 233 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Xuân T và anh Nguyễn Văn K đăng ký kết hôn vào ngày 14/01/2011 tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau. Tháng 3 năm 2017 anh K vi phạm pháp luật và phải chấp hành hình phạt. Sau khi chấp hành hình phạt vợ chồng vẫn mâu thuẫn. Từ tháng 6 năm 2018 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân.

Sau khi chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn, TAND huyện Trực Ninh đã thông báo nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị T cho K nhưng anh K không có mặt tại Tòa án để làm việc.

Theo yêu cầu của Chị T, TAND huyện Trực Ninh đã tiến hành thu thập chứng cứ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2019, bà Hoàng Thị P (là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn K ) cung cấp:

Anh Nguyễn Văn K có biết việc chị T có đơn xin ly hôn, gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải… và đã thông báo cho anh K những nội dung này nhưng do bận công việc nên anh K không đến Tòa án.

Bà P cũng xác nhận vợ chồng chị T, anh K có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 6/2018 tới nay, trước đây do bất đồng quan điểm, anh K cũng đã có ý định

xin ly hôn chị T. Khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã trao đổi với anh K về việc chị T có đơn xin ly hôn anh K có quan điểm nhất trí ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa chị T và anh K đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, hiện tại đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy quan hệ hôn nhân đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ được với nhau được nữa nên việc chị T xin ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu của các đương sự về việc nhận nuôi con chung HĐXX thấy:

Chị T có đề nghị khi ly hôn được nuôi cả hai con chung hoặc con Nguyễn Thị Hồng H và không yêu cầu anh K cấp dưỡng. Nếu anh K không đồng ý thì chị đồng ý để anh K nuôi con Nguyễn Gia B. Anh K vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình chuẩn bị xét xử, mặc dù được thông báo nhiều lần nhưng anh K không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về việc nhận nuôi con chung mà chỉ trao đổi qua bà P về nguyện vọng nuôi con. Việc chị T nhận nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Anh K có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác về thay đổi nuôi con nếu như có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về tài sản, khoản nợ chung: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng không thể hiện chị T và K có tài sản, khoản nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Xuân T và anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Xuân T có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Hồng H - Sinh ngày 15/5/2012 và Nguyễn Gia B - Sinh ngày 09/01/2016. Hiện con Nguyễn Thị Hồng H đang ở với chị T. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Cháu Nguyễn Gia B hiện tại đang ở cùng với anh Nguyễn Văn K, kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, chị T có yêu cầu, anh Nguyễn Văn K có nghĩa vụ giao cháu Nguyễn Gia B - Sinh ngày 09/01/2016 cho chị T nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở

hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị Xuân T nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 04920 ngày 15/2/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Chị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Xuân T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Văn K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND TT C, huyện T;
- UBND xã L, huyện T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Chu Thái Hà**